

Số: 22/2015/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
thuộc chương trình 135 giai đoạn III trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 – 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của liên Bộ: Bộ Tài chính – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Dự án 3 và Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 – 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kế hoạch đầu tư - Tài chính - Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, ấp đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc công nhận các thôn đặc biệt khó khăn, các xã khu vực I, II, III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015; Thực hiện Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của chương trình 135;

Thực hiện Công văn số 761/BNN-KTHT ngày 05/03/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm 2014;

Căn cứ Thông tư 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Văn bản số 155/HĐND-VP ngày 17/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thay đổi định mức Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 tại Quyết định số 61/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 29/TTR-SNN-CCPTNT ngày 26 tháng 01 năm 2015 và Văn bản số 816/SNN-CCPTNT ngày 22/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức hỗ trợ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn III trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Căn cứ vào định mức hỗ trợ được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và các đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai dự án cho các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn III trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 61/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành định mức hỗ trợ “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban dân tộc; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN;
- TTr HĐND tỉnh; - Đoàn ĐBQH;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Website tỉnh BR-VT;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 4;
- Lưu: VT, S4 (03/3/2015)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình

QUY ĐỊNH
ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN III
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Hộ nghèo, cận nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 ban hành theo Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trường hợp có sự thay đổi chuẩn nghèo, cận nghèo thì áp dụng theo quy định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Hộ nghèo hơn được ưu tiên hỗ trợ trước. Ưu tiên cho hộ nghèo thuộc diện chính sách, hộ có người tàn tật, chủ hộ là phụ nữ.

b) Nhóm hộ: (theo Thông tư 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KH&ĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của liên bộ)

- Được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn trên cơ sở tự nguyện, gồm những hộ nghèo, cận nghèo và những hộ khác có uy tín đang sinh sống trên cùng địa bàn, có kinh nghiệm trong sản xuất, có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo trong nhóm vươn lên thoát nghèo. Nhóm hộ có 1 trưởng nhóm do các hộ bầu ra để quản lý điều hành các hoạt động của nhóm (ưu tiên trưởng nhóm là phụ nữ, người hiểu biết, người có trình độ năng lực);

- Có cam kết và quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ để thực hiện kế hoạch, dự án sản xuất đã được xác định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên. Việc thành lập nhóm hộ do Ủy ban nhân dân xã quyết định; trong nhóm số lượng hộ không phải hộ nghèo không quá 20% tổng số hộ của nhóm và phải có sự thống nhất của đa số hộ nghèo, cận nghèo. Nhóm hộ tự xây dựng nội quy hoạt động, được trưởng thôn đồng thuận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

2. Phạm vi:

a) Quy định này quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, là căn cứ cho việc cấp vốn và thanh quyết toán dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135 giai đoạn III.

b) Các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được công nhận theo quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19//9/2013 của Ủy ban Dân Tộc về việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

Căn cứ quy hoạch phát triển nông thôn mới, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, các địa phương lựa chọn nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; không nhất thiết phải đầu tư thực hiện tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung nguồn vốn, tránh dàn trải. Nội dung thực hiện cụ thể như sau:

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công giúp người dân nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai có hiệu quả.

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, có giá trị cao trên thị trường theo nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương; hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ vật tư phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất; hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân tham quan học tập nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phát triển sản xuất, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư về dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm; giúp hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các dịch vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào kế hoạch sản xuất của hộ, nhóm hộ đã được xác định để phát triển sản xuất trên địa bàn xã.

Chương II ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông – khuyến lâm – khuyến ngư (gọi tắt là khuyến nông)

1. Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Biên soạn, dịch thuật tài liệu đào tạo tập huấn.

- Biên soạn tài liệu: 45.000 đồng/trang đánh máy khổ giấy A₄.

- Dịch thuật tài liệu khuyến nông từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, không quá 45.000 đồng/trang 350 từ.

- Chỉnh sửa và bổ sung những thông tin mới vào tài liệu có sẵn (áp dụng cho trường hợp không biên soạn tài liệu, mà chỉnh sửa trên tài liệu có sẵn) tối đa 14.000 đồng/trang đánh máy khổ A₄.

b) In tài liệu đào tạo tập huấn: chi theo thực tế nhưng không quá 20.000 đồng/bộ.

c) Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập: chi theo thực tế nhưng không quá 1.000.000 đồng/ngày đối với lớp học ở tỉnh, thành phố; 500.000 đồng/ngày đối với lớp tổ chức ở huyện; 300.000 đồng/ngày đối với lớp tổ chức tại các xã phường thị trấn.

d) Chi thù lao cho giảng viên: mức chi thù lao từ 300.000 – 500.000 đồng/buổi.

e) Hỗ trợ cho hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: 100.000 đồng/người/buổi.

f) Hỗ trợ tiền văn phòng phẩm, tài liệu cho học viên trong thời gian tập huấn: không quá 35.000 đồng/người/ngày.

g) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên trong thời gian tập huấn:

- Đối với lớp học được tổ chức tại tỉnh và huyện: mức hỗ trợ không quá 70.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức ở tỉnh, không quá 50.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức ở huyện.

- Đối với lớp học được tổ chức tại xã: mức hỗ trợ theo tình hình thực tế, không quá 50.000 đồng/người/ngày.

h) Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên đối với lớp tập huấn tại tỉnh, huyện: nếu nơi học cách nơi cư trú từ 15 km trở lên thì hỗ trợ tiền đi lại theo giá phương tiện giao thông công cộng nhưng không quá 200.000 đồng/người/khoá học. Đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng, thanh toán theo mức khoán không quá 150.000 đồng/người/khoá học.

i) Chi phí quản lý lớp học: tối đa không quá 4% giá trị dự toán của lớp tập huấn.

2. Hỗ trợ tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiên tiến đang áp dụng thành công ở các địa phương khác (ngoài tỉnh, ngoài huyện).

a) Hỗ trợ tiền thuê xe đi và về cho học viên: chi theo thực tế hợp đồng.

b) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên trong thời gian tham quan, khảo sát:

- Tham quan, khảo sát trong tỉnh: tối đa không quá 70.000 đồng/người/ngày.

- Tham quan, khảo sát ngoài tỉnh: chi theo thực tế, tối đa không quá 180.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ tiền nước uống cho học viên: không quá 7.000 đồng/người/ngày.

d) Hỗ trợ tiền nghỉ qua đêm cho học viên: không quá 200.000 đồng/người/đêm.

3. Hỗ trợ cơ quan quản lý, kiểm tra đánh giá, giám sát hoạt động khuyến nông tại địa phương và cơ sở: không quá 4% tổng số kinh phí của dự án.

Điều 4. Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến

1. Số lượng hộ tham gia hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến từ 4-5 hộ/mô hình. Bao gồm:

a. Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản,...) nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng/mô hình.

b. Mô hình ứng dụng công nghệ cao: hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình.

c. Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/mô hình.

2. Chi phí thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở chia (/) cho 22 ngày công nhân (*) với số ngày thuê.

$$\text{Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình} = \frac{\text{lương tối thiểu}}{22 \text{ ngày}} \times \text{số ngày thuê}$$

3. Chi triển khai mô hình: tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 25.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất

1. Hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Hỗ trợ cho nhóm hộ (từ 5 hộ trở lên): 75.000.000 đồng/nhóm hộ.

3. Tỷ lệ hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ 100% giống cây trồng, vật nuôi, vật tư thiết yếu và chi phí vận chuyển.

4. Tùy theo mục đích, nội dung của Dự án và điều kiện cụ thể của địa phương, người dân tham gia dự án được hỗ trợ các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư theo quy định sau:

- Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản chất lượng, có giá trị kinh tế nằm trong danh mục được phép sản xuất và kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã được các hộ đăng ký trong dự án; phù hợp với quy hoạch, đề án tái cơ cấu ngành và điều kiện của địa phương;

- Vật tư thiết yếu phù hợp với hạng mục sản xuất: thức ăn chăn nuôi, phân hoá học, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng các bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ làm chuồng trại, chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi thủy sản.

Điều 6. Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch

1. Hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Hỗ trợ cho nhóm hộ (từ 5 hộ trở lên): 100.000.000 đồng/nhóm hộ.

3. Tỷ lệ hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua máy, thiết bị cơ khí hoặc bán cơ khí phục vụ sản xuất và phục vụ chế biến, bảo quản nông sản, phụ kiện đi kèm máy; hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển cho các hộ tham gia dự án hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc nhưng không vượt quá mức tối đa tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Chi hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tham gia chỉ đạo, quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao kiến thức, kỹ năng lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án phát triển sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiên tiến.

3. Nội dung và mức chi áp dụng theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định về chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 8. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ theo định mức tại chương II nêu trên và giá giống, vật tư, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm sản theo giá thời điểm tại địa phương; chủ đầu tư lựa chọn đơn vị có chức năng sản xuất, kinh doanh cung cấp theo phương thức chào hàng cạnh tranh. Trường hợp mua bán giữa các hộ dân không có hóa đơn tài chính thì chỉ cần có giấy biên nhận giữa các hộ mua bán nhưng đơn giá không được vượt quá định mức trong dự toán và phải được trưởng thôn, ấp và Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Chương III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Điều 9. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Mục tiêu của dự án;
- b) Nội dung dự án;
- c) Các hoạt động của dự án;
- d) Tổ chức thực hiện dự án;
- đ) Kiểm tra đánh giá, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện dự án.

2. Hỗ trợ người dân khi tham gia dự án:

- a) Nội dung hỗ trợ theo Điều 2 tại quy định này.
- b) Tùy theo mục đích, nội dung của dự án và điều kiện cụ thể của địa phương, người dân tham gia dự án được hỗ trợ các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư theo Khoản 4, Điều 5 tại quy định này.

Điều 10. Xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Ủy ban nhân dân cấp xã (chủ đầu tư)

- Dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Điều 9 tại quy định này;
- Tổng hợp danh sách các hộ, nhóm hộ đăng ký tham gia dự án, xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất hàng năm và cả giai đoạn, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt.

2. Trưởng thôn, ấp

- Phổ biến chủ trương của xã về dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 và phát đơn cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khác có nhu cầu tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để đăng ký;
- Căn cứ đơn đăng ký của các hộ, nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, Trưởng thôn, ấp tổ chức họp, bình xét hộ, nhóm hộ tham gia dự án và lập danh sách hộ, nhóm hộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

1) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

2) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án;

- Đơn đăng ký của các hộ tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 01);

- Biên bản họp thôn, ấp (Phụ lục 02);

- Danh sách hộ, nhóm hộ đăng ký dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 03);

- Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 04).

3) Trình tự thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ và trả giấy biên nhận hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp nộp trực tiếp). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản về tính hợp lệ của hồ sơ để tiến hành thẩm định hoặc không thẩm định;

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ;

c) Sau khi có kết quả thẩm định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và trả kết quả về Ủy ban nhân dân cấp xã trong 02 (hai) ngày làm việc.

Điều 12. Triển khai thực hiện dự án

Trên cơ sở dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện như sau:

1) Thông báo cho người dân về nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; chế độ chính sách hỗ trợ; danh sách hộ, nhóm hộ tham gia dự án;

2) Tổ chức thực hiện dự án theo nội dung được phê duyệt;

3) Cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án;

4) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án (Phụ lục 05).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành cấp tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan trong tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn;

b) Chỉ đạo một số mô hình điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung;

c) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn và báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch bố trí kinh phí thực hiện cho các dự án của chương trình 135 giai đoạn III theo từng năm và cho cả giai đoạn.

b) Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, cấp phát và thanh quyết toán vốn theo quy định.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và các Sở, ngành có liên quan chủ động lồng ghép các chương trình giảm nghèo gắn với Chương trình 135 giai đoạn III để đẩy nhanh công tác giảm nghèo tại các xã thôn, áp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các dự án trên địa bàn huyện:

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án cho các xã; tổng hợp kế hoạch hàng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư;

- Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn huyện;

- Chỉ đạo một số mô hình điểm để rút kinh nghiệm nhân rộng.

b) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo (theo mẫu phụ lục 05) định kỳ 06 tháng, 01 năm về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã

a) Ủy ban nhân dân các xã thuộc diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn III là chủ đầu tư dự án phát triển sản xuất, có trách nhiệm sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, không nhất thiết phải đầu tư tất cả các hoạt động để tập trung vốn, tránh đầu tư dàn trải;

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện dự án dân chủ, công khai và đúng đối tượng theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc các hộ, nhóm hộ thực hiện tốt nội dung dự án;

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng; 1 năm về Ủy ban nhân dân huyện (Phụ lục 05 ban hành theo quyết định này).

Điều 16. Điều khoản thi hành

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện căn cứ quy định này để tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy định này, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *mbh*
CHỦ TỊCH



mbh

Nguyễn Văn Trình

PHỤ LỤC 01

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số ___/2015/QĐ-UBND ngày ___/___/2015 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

UBND Xã
Thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Tên thôn), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Họ tên chủ hộ:

Địa chỉ: (thôn, xã, huyện)

1. Điều kiện sản xuất của hộ gia đình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Diện tích đất để tham gia dự án	m ²		
2	Lao động trong độ tuổi			
3	Điều kiện khác			

2. Nội dung đăng ký tham gia dự án

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Giống cây trồng			
2	Giống vật nuôi			
3	Phân bón			
4	Máy móc, thiết bị			
5			

- Nội dung đăng ký tham gia dự án: (địa điểm, mục tiêu)

- Theo dự kiến dự án phát triển sản xuất của xã, cam kết có đủ nguồn lực (đất đai, nhân công, chuồng trại...v v) để thực hiện các hoạt động nói trên. Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án;

Hộ xin cam đoan thực hiện đầy đủ các điều đã cam kết trên; nếu sai hộ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ hộ đăng ký (ký tên)

PHỤ LỤC 02

BIÊN BẢN HỌP THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số ___/2015/QĐ-UBND ngày ___/___/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

UBND Xã

Thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Tên thôn), ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP THÔN

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).

- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).

- Thành phần tham gia:

+ Đại diện các tổ chức, đoàn thể tham gia:.....

.....

+ Số lượng hộ tham gia (có danh sách kèm theo):

1. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của xã

- Phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135

- Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án

- Quyết định hộ, nhóm hộ tham gia dự án.

.....

.....

.....

2. Kết quả cuộc họp

- Danh sách các hộ, nhóm hộ được lựa chọn tham gia dự án.....

- Nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đề nghị chỉnh sửa, bổ sung.....

- Phương thức tổ chức thực hiện dự án.....

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Đại diện hộ dân

(ký, họ tên)

Thư ký

(ký, họ tên)

Chủ trì (Trưởng thôn)

(ký, họ tên)

Không đồng ý (thay đổi nếu có).....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Chủ tịch Ký tên đóng dấu)

PHỤ LỤC 04

THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số ___/2015/QĐ-UBND ngày ___/___/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

UBND XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Tên xã), ngày tháng năm

THUYẾT MINH DỰ ÁN

Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135

1. Mục tiêu dự án:

- Phát triển sản xuất để tạo việc làm, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu nhập từ sản xuất...
- Thu nhập tăng thêm của các hộ nghèo tham gia dự án.
- Số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án.

2. Nội dung dự án:

- Địa điểm triển khai: (thôn, ấp).
- Tóm tắt nội dung dự án (loại hình sản xuất, qui mô, tổng số hộ, nhóm hộ tham gia...vv).
- Các yêu cầu về kỹ thuật: Giải thích rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết hỗ trợ (tên, chủng loại, thông số kỹ thuật, số lượng hỗ trợ,...), quy trình kỹ thuật áp dụng...v.v.
- Thời gian triển khai.
- Dự kiến đạt được.

3. Các hoạt động của dự án (nếu dự án bao gồm nhiều năm thì mỗi năm làm một 1 bảng và 1 bảng tổng hợp chung theo mẫu sau).

STT	Tên hoạt động	Số hộ, nhóm hộ tham gia	Số lượng, khối lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thời gian thực hiện và các ghi chú khác
					Dân đóng góp	Dự án hỗ trợ	

	Tổng kinh phí						

4. Tổ chức thực hiện dự án:

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện.
- Trách nhiệm của các hộ tham gia dự án.
- Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn, ấp và cán bộ tham gia thực hiện dự án.

5. Kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án

- Nêu rõ nội dung hình thức kiểm tra, đánh giá thực hiện dự án.
- Phân công tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án.

Ngày tháng năm 20...

TM. UBND XÃ...

CHỦ TỊCH

(ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC 05

BIỂU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (ÁP DỤNG CHO BÁO CÁO CỦA CẤP XÃ, CẤP HUYỆN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ___/2015/QĐ-UBND ngày ___/___/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm

KẾT QUẢ THỰC HIỆN (6 THÁNG, NĂM...) DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135

1. Tình hình và kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

.....
.....
.....
.....

2. Kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch			Thực hiện			Ghi chú
			Khối lượng	Vốn (tr.đ)	Số hộ	Khối lượng	Vốn (tr.đ)	Số hộ	
	TỔNG SỐ								
I	Hỗ trợ giống, vật tư								
1	Cây trồng								
	...								
2	Vật nuôi								
	...								
3	Vật tư chủ yếu								
	...								
II	Xây dựng mô hình								
	...								
III	Tập huấn, đào tạo								
	...								

IV Hỗ trợ máy, thiết bị								
...								

Tổng số hộ, nhóm hộ tham gia:.....

Giá trị khối lượng đã hoàn thành:.....đồng. Bằng chữ:.....

Tổng số tiền đã giải ngân:.....đồng. Bằng chữ:

3. Đánh giá kết quả thực hiện dự án:

- Đánh giá thực hiện mục tiêu của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.
- Đánh giá về phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập, giảm nghèo tăng thu nhập.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)